CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Ngày 31/12/2025	18,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**7.7%**

DT thuần
Q4/25
361
tỷ VNĐ
QoQ: ▼146| -28.9%
YoY: ▼1,483| -80.4%

LN thuần
Q4/25
434
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 310| 250%
YoY: ▼21.0| -4.6%

LN sau thuế
Q4/25
313
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 227| 265%
YoY: ▼56.0| -15.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
75.3%
YoY: +/-▲ 8.8%

ROE
2025
4.4%
YoY: +/-▲ 2.9%

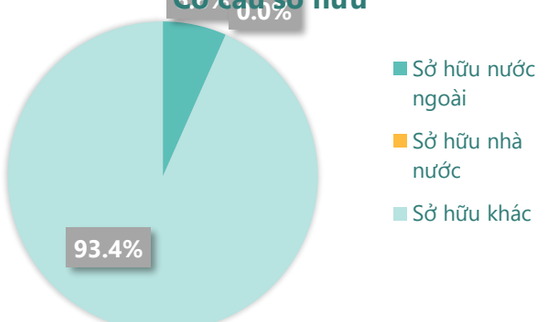
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,935 - 26,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,759
Số lượng CPLH (CP)	997,809,379
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,766,455
Sở hữu nước ngoài	6.6%
Beta	1.55
EPS	516
P/E	36.4

DT thuần
2025
1,325
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 503| 61.2%

LN thuần
2025
735
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 536| 270%

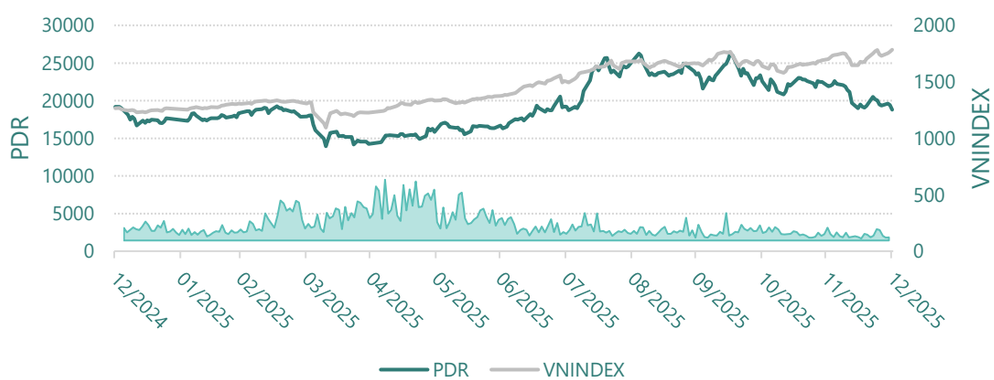
LN sau thuế
2025
515
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 360| 232%

Cơ cấu sở hữu

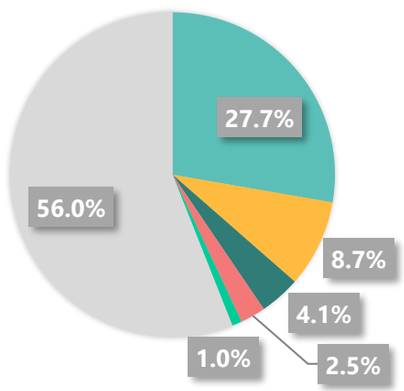


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



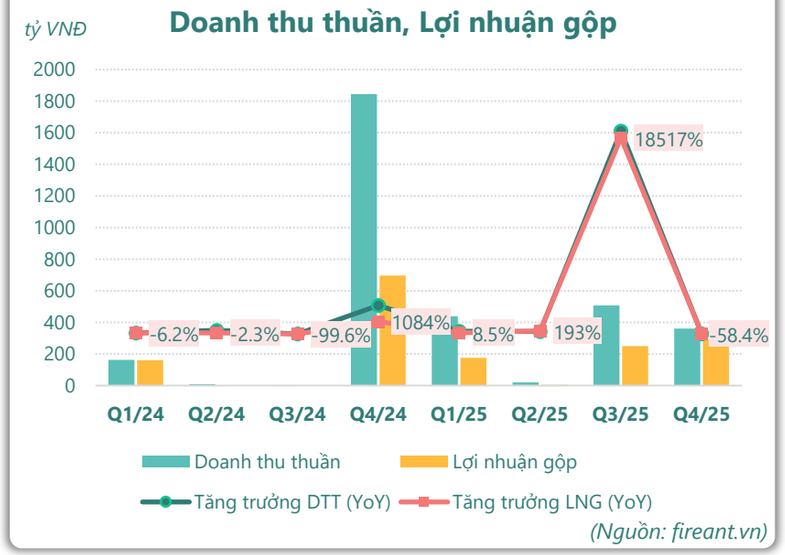
Cơ cấu cổ đông



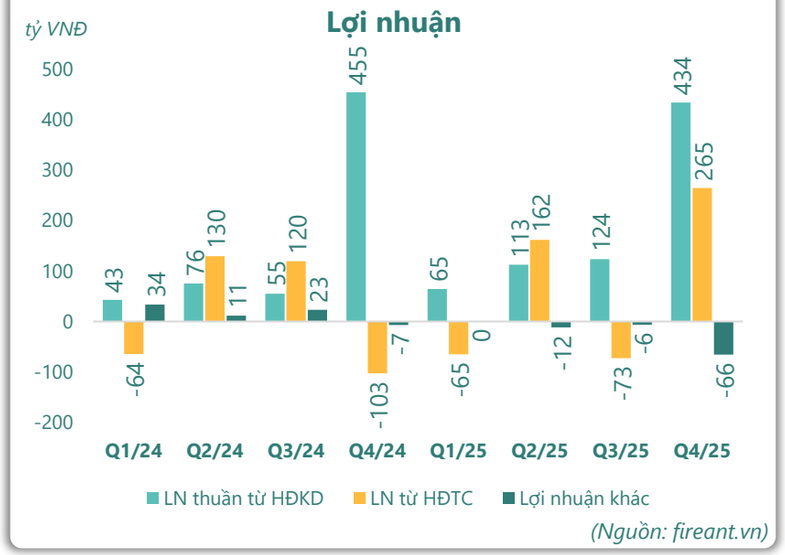
- Nguyễn Văn Đạt (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Phát Đạt Holdings
- Nguyễn Thanh Phong
- Phạm Thanh Điền
- Nguyễn Trà Giang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

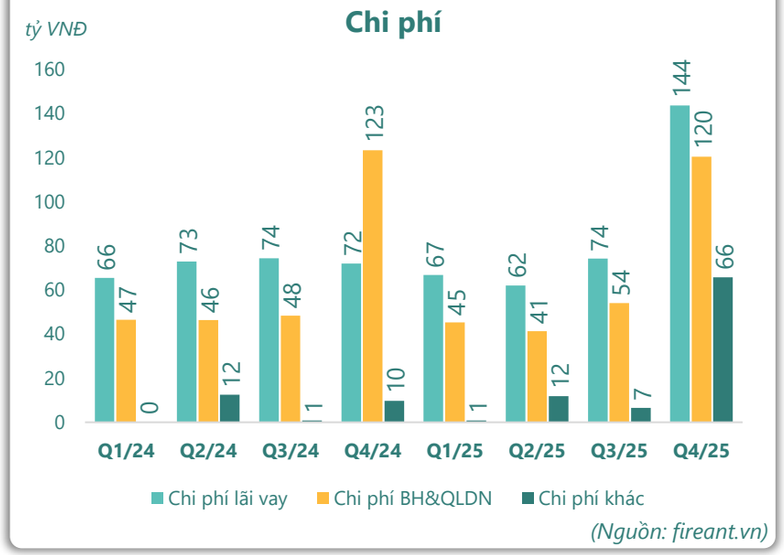
KẾT QUẢ KINH DOANH



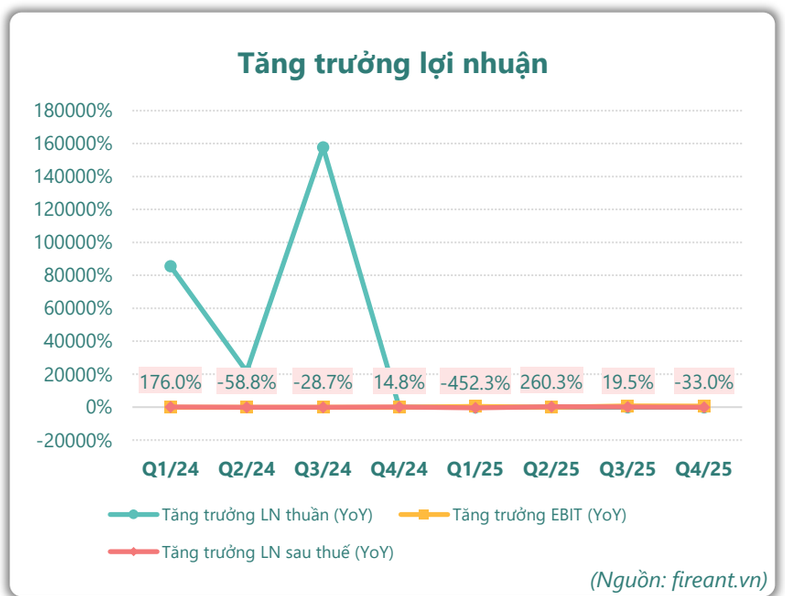
(Nguồn: fireant.vn)



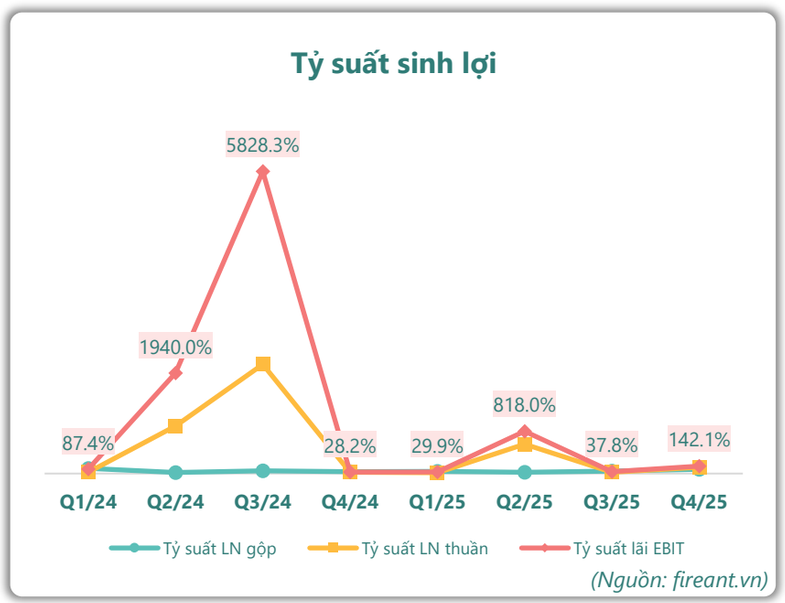
(Nguồn: fireant.vn)



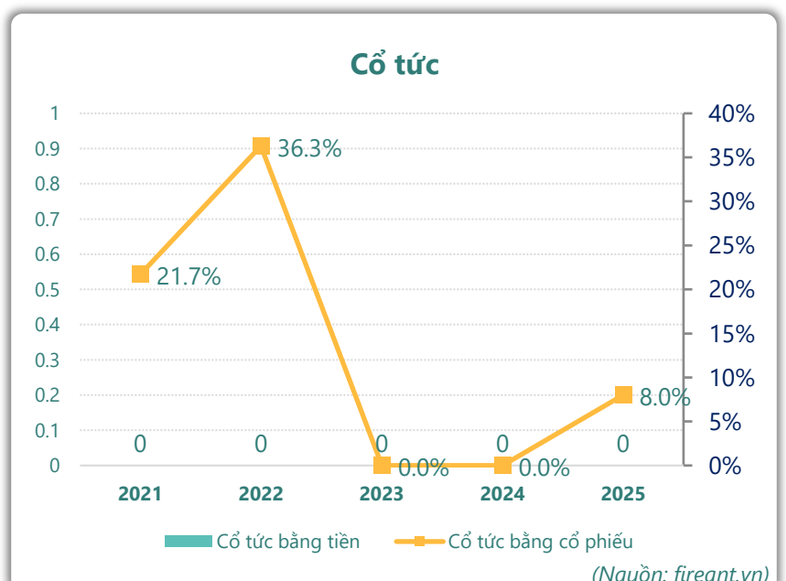
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



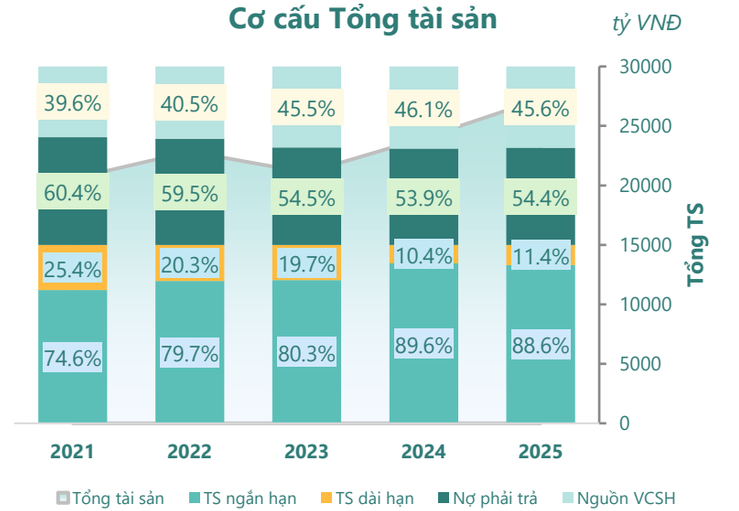
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

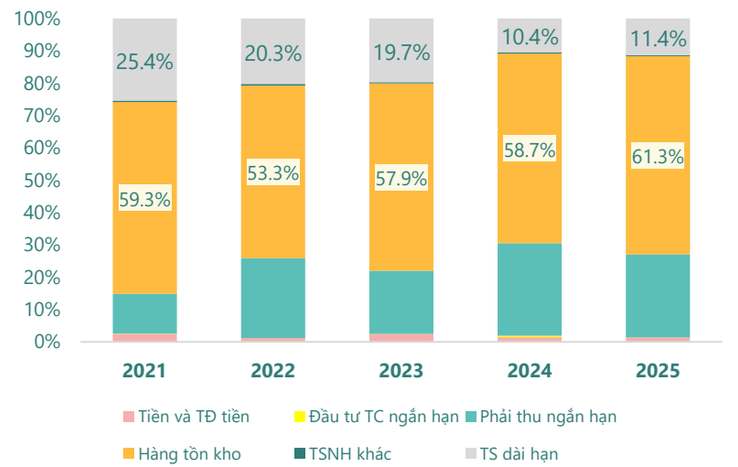
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



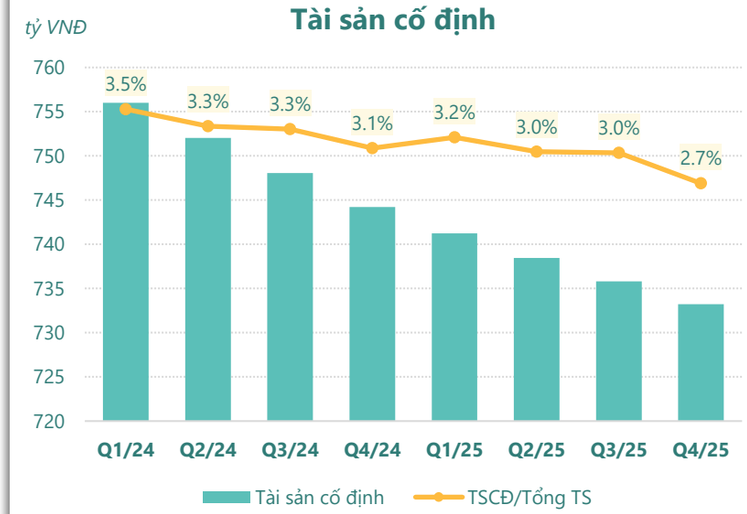
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



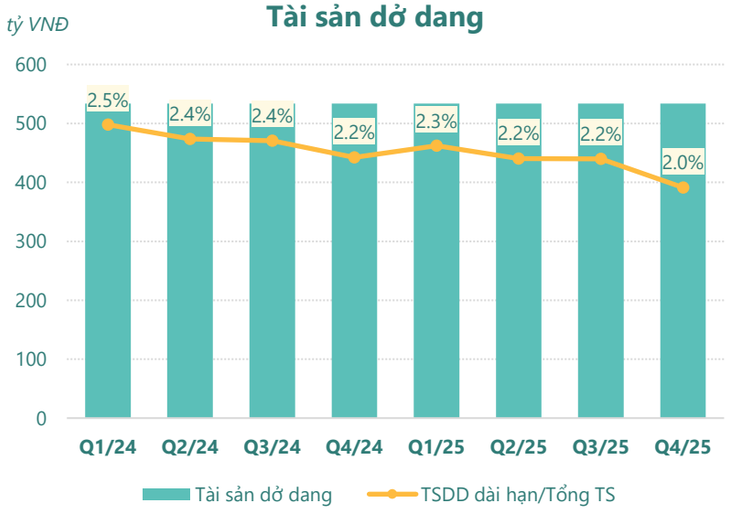
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



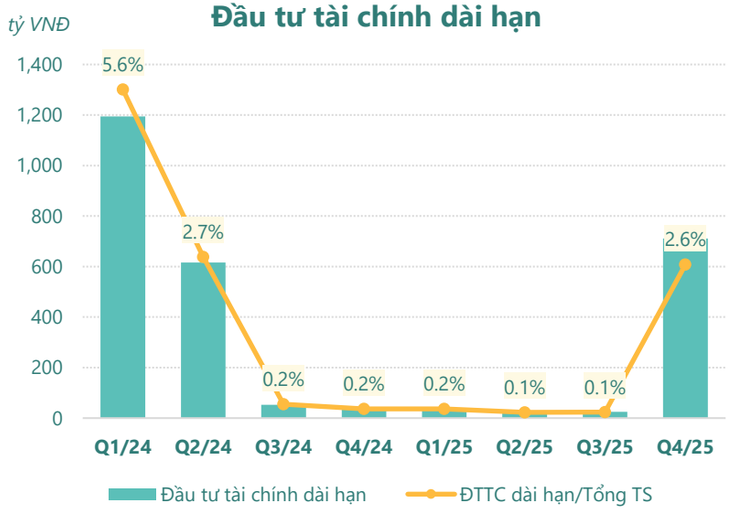
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



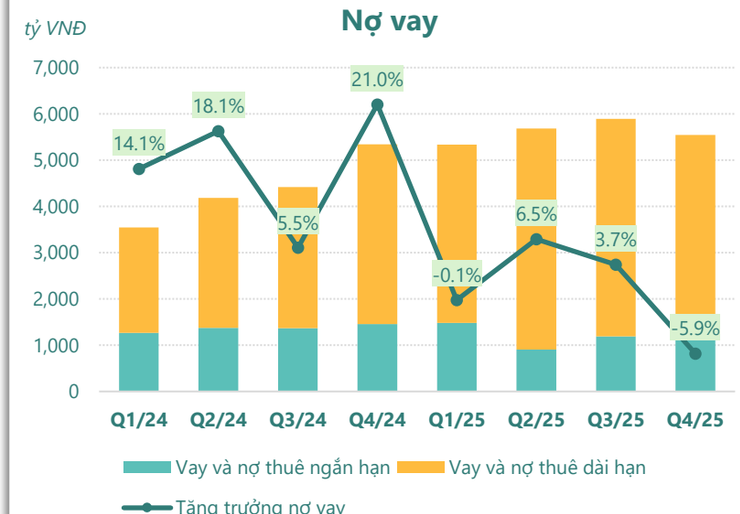
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

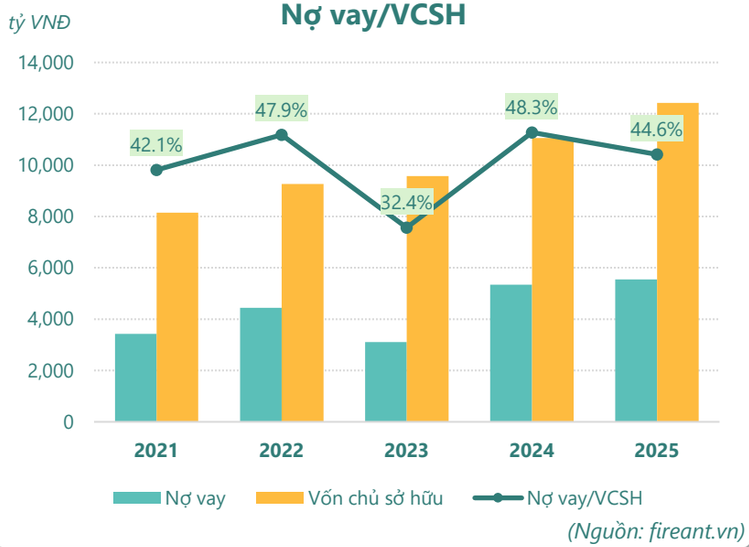
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

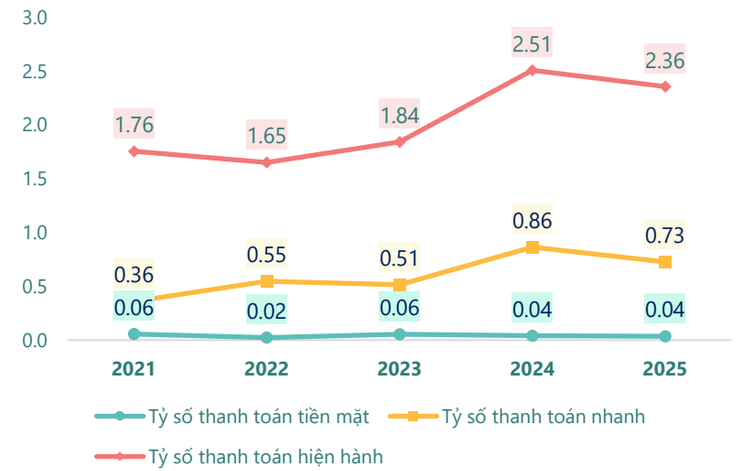
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



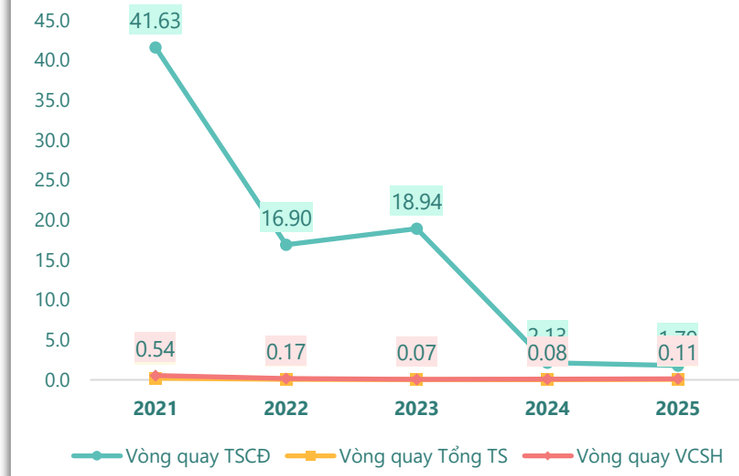
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



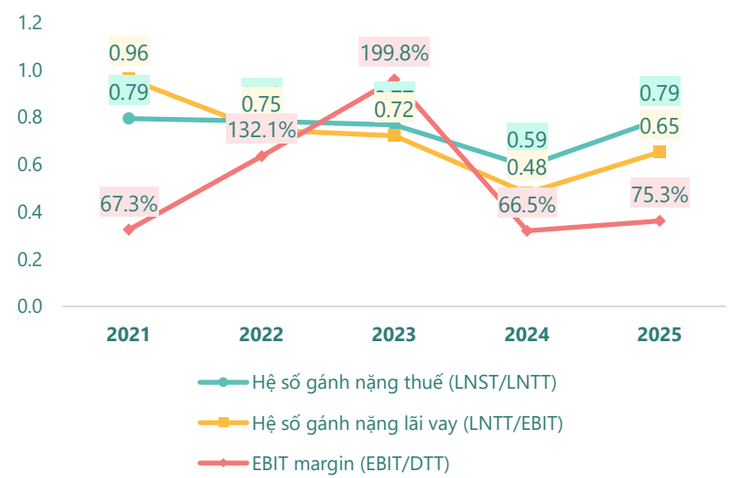
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



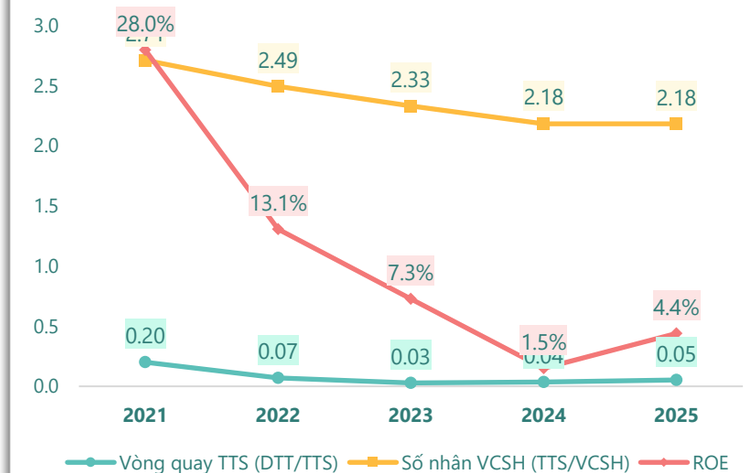
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



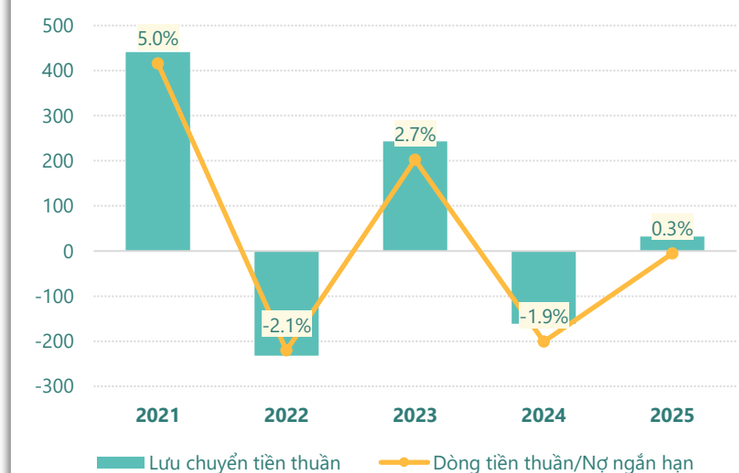
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**361**	**1,844**	**-80.4%**	**1,325**	**822**	**61.2%**
Giá vốn hàng bán	70.5	1,147	-93.9%	605	423	43.0%
Lợi nhuận gộp	290	697	-58.4%	720	399	80.5%
Doanh thu HĐTC	408	3.73	10850%	638	401	58.9%
Chi phí TC	144	107	34.4%	349	320	9.1%
Chi phí lãi vay	144	72.0	99.6%	347	285	21.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.02**	**-15.8**	**99.9%**	**-13.0**	**-49.8**	**73.9%**
Chi phí bán hàng	9.37	59.3	-84.2%	24.5	36.9	-33.4%
Chi phí QLDN	**111**	**64.1**	**73.3%**	**237**	**195**	**21.2%**
LN thuần từ HĐKD	434	455	-4.6%	735	199	270%
Lợi nhuận khác	**-65.7**	**-7.06**	**-830%**	**-84.0**	**63.1**	**-233%**
LN trước thuế	369	448	-17.7%	651	262	149%
Lợi nhuận sau thuế	**313**	**369**	**-15.1%**	**515**	**155**	**232%**
LNST của CĐ cty mẹ	**314**	**369**	**-15.0%**	**515**	**155**	**232%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,189	-1,680	-438	-1,483	-132	-460
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	909	185	427	57.8	-409
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	231	894	-6.37	997	165	1,130
Tiền đầu kỳ	1,190	221	344	84.0	25.2	116
Lưu chuyển tiền thuần	**-969**	**123**	**-260**	**-58.8**	**90.8**	**260**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	221	344	84.0	25.2	116	376

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**27,271**	**23,986**	**13.7%**
Tài sản ngắn hạn	24,176	21,483	12.5%
Tiền và tương đương tiền	376	344	9.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	115	-100%
Phải thu ngắn hạn	7,000	6,861	2.0%
Hàng tồn kho	16,715	14,078	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	85.2	85.2	-0.1%
Tài sản dài hạn	**3,096**	**2,503**	**23.7%**
Phải thu dài hạn	76.0	38.7	96.4%
Tài sản cố định	733	744	-1.5%
Bất động sản đầu tư	61.7	63.2	-2.4%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	711	38.0	1769%
Tài sản dài hạn khác	**980**	**1,085**	**-9.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,847	12,927	14.9%
Nợ ngắn hạn	**10,259**	**8,562**	**19.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,106	1,383	-20.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	164	348	-52.9%
Nợ dài hạn	4,589	4,365	5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,438	3,961	12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12,424**	**11,059**	**12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**12,424**	**11,059**	**12.3%**
Vốn điều lệ	9,978	8,731	14.3%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)